

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRÀ ÔN
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 12-6-2020
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRÀ ÔN, TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Thúy An**

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Ông **Trần Văn Ân**

2/ Bà **Nguyễn Thị Mến**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Đặng Hoàng Minh**- Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long.

Ngày 12 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 105/2020/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 3 năm 2020 về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 24/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 5 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị Hương E**, sinh năm 1978. (có mặt)

Địa chỉ cư trú: ấp Tr, thị trấn V, huyện V, tỉnh Vĩnh Long.

2. Bị đơn: Anh **Nguyễn Thanh H**, sinh năm 1979. (vắng mặt)

Địa chỉ cư trú: ấp B (ấp X cũ), xã Tr, huyện Tr, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai ngày 11/3/2020, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Hương E trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh H thành hôn vào năm 2016 nhưng không có đăng ký kết, thời gian chung sống được 04 năm, lúc đầu rất hạnh phúc, thời gian sau phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, thường xuyên cự cãi, bất đồng quan điểm sống. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh H.

- Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Ngọc H, sinh ngày 22/10/2017 hiện đang sống chung với chị, nay chị yêu cầu được tiếp tục nuôi con

chung, yêu cầu anh H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000đ cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại văn bản (Biên bản về việc không tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải được) ngày 08/5/2020, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Hương E trình bày: Về hôn nhân chị yêu cầu không công nhận mối quan hệ giữa chị và anh H là vợ chồng. Về con chung, tài sản chung, nợ chung chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu chấm dứt quan hệ vợ chồng với anh H. Về con chung, tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền, quan hệ tranh chấp: Căn cứ đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị Hương E yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Tr, tỉnh Vĩnh Long giải quyết ly hôn với anh Nguyễn Thanh H cư trú tại ấp B (ấp X cũ), xã Tr, huyện Tr, tỉnh Vĩnh Long. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án có quan hệ tranh chấp là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tr, tỉnh Vĩnh Long.

[1.2] Bị đơn anh Nguyễn Thanh H được triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa sơ thẩm nhưng bị đơn vắng mặt lần thứ 2 không lý do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân:

Chị Nguyễn Thị Hương E và anh Nguyễn Thanh H chung sống như vợ chồng từ năm năm 2016 cho đến nay nhưng không đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền như lời trình bày của chị Hương E là phù hợp với xác nhận ngày 06/3/2020 của Ủy ban nhân dân xã Tr, huyện Tr, tỉnh Vĩnh Long và Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân số: 24/UBND-XNTTHN ngày 03/3/2020 của Ủy ban nhân dân thị trấn V, huyện V, tỉnh Vĩnh Long nên việc kết hôn của chị Hương E và anh H không có giá trị pháp lý và không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng theo tại Điều 9 và Điều 14 của Luật hôn nhân và gia đình nên không công nhận mối quan hệ giữa chị Hương E và anh H là vợ chồng.

[2.2] Về con chung: Chị Nguyễn Thị Hương E không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Nguyễn Thị Hương E không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Hương E phải nộp 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*) án phí ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 6, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 9 và Điều 14 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 6, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân:

Không công nhận mối quan hệ giữa nguyên đơn chị Nguyễn Thị Hương E và bị đơn anh Nguyễn Thanh H là vợ chồng.

2. Về con chung:

Chị Nguyễn Thị Hương E không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung, nợ chung:

Chị Nguyễn Thị Hương E không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc chị Nguyễn Thị Hương E nộp 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*) án phí ly hôn. Khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*) chị Hương E đã nộp theo biên lai thu số 0016015 ngày 11/3/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tr, tỉnh Vĩnh Long. Chị Hương E đã nộp đủ tiền án phí.

5. Về quyền kháng cáo:

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND huyện Tr;
- THADS huyện Tr;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Nguyễn Thị Thúy An